TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21/5/2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Công.

Ông Bùi Như Huấn.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991.

2. Bị đơn: anh Phạm Minh B, sinh năm 1987.

Cùng nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị T và anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Chị T và anh Phạm Minh B kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay, hai người không còn quan tâm đến nhau nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

Về con chung: Giữa chị T và anh B có một con tên là Phạm Tùng A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2014, hiện tại chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị đề

nghị được quyền trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng cho con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Giữa chị T và anh B không có, các vấn đề khác chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Phạm Minh B:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng anh B không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh B.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị T và anh B kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Đời sống vợ chồng giữa chị T và anh B không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau nữa. Xét thấy, chị T và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị T ly hôn anh B là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Giữa chị T và anh B có một con chung tên là Phạm Tùng A, đến nay đã đủ 10 tuổi, hiện tại đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị quyền trực tiếp nuôi dưỡng con, nguyện vọng của con là muốn được ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh B đã nhiều lần được báo gọi đến Tòa án làm việc, để thể hiện quan điểm của mình nhưng anh B không đến và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, con chung sẽ được giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị T trình bày là không có. Anh B vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, do vậy về tài sản không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh B có quyền kháng cáo bản án này quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn anh Phạm Minh B.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Tùng A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2014 cho đến khi trưởng thành.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định theo biên lai số 0000525 ngày 09 tháng 01 năm 2024, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn anh Phạm Minh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L, tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường